

# Lịch Sử Ẩn Khuất của Câu Bốn Mười – Số Mười Chín

## *Khốn Nạn Thứ Hai – Phần Sáu*

Jeff Pippenger

2026-07-20

Các sách Đa-ni-ên và Khải Huyền bổ sung cho nhau, nghĩa là khi hợp lại thì chúng được làm cho trọn vẹn.

“Trong sách Khải Huyền, mọi sách của Kinh Thánh đều hội tụ và kết thúc. Đây là phần bổ sung cho sách Đa-ni-ên.” Công vụ các Sứ đồ, 585.

Các vương quốc trong lời tiên tri Kinh Thánh phải là trọng tâm của người nghiên cứu lời tiên tri, vì chính tại đó lịch sử bên ngoài của những ngày sau rốt được trình bày chủ yếu.

“Trong ánh sáng của lời Đức Chúa Trời, học biết các nguyên nhân chi phối sự hưng thịnh và suy vong của các vương quốc thật tốt hơn biết bao. Hãy để người trẻ tuổi nghiên cứu các ghi chép này, và thấy rằng sự thịnh vượng chân chính của các quốc gia đã gắn liền với việc chấp nhận các nguyên tắc thiêng liêng. Hãy để người ấy nghiên cứu lịch sử của những phong trào cải cách lớn lao, và thấy rằng biết bao lần các nguyên tắc này, dù bị khinh miệt và căm ghét, còn những người bệnh vực chúng bị đưa vào ngục tối và lên đoạn đầu đài, thì chính qua những sự hy sinh ấy, chúng đã khai hoàn.” Education, 238.

Các lịch sử thánh, dù là những “phong trào cải chánh vĩ đại”, hay là “sự hưng khởi và suy vong của các vương quốc”; các lịch sử thánh là một vấn đề sống còn trong Lời Đức Chúa Trời. Phao-lô đã ghi chép trong II Tê-sa-lô-ni-ca đoạn hai rằng những kẻ không yêu mến lẽ thật, rồi sau đó nhận lấy sự mê lầm mạnh mẽ, làm như vậy vì họ đã chọn khước từ sứ điệp mà Phao-lô đã xác định trong phân đoạn ấy. Phân đoạn đó xác định mối quan hệ giữa La Mã ngoại giáo với La Mã giáo hoàng, cũng là mối quan hệ giữa Bết-găm và Thy-a-ti-rơ, đồng thời cũng là mối quan hệ giữa sắt và đất sét, cũng như mối quan hệ giữa con rồng với giáo hoàng quyền. Sự trỗi dậy của La Mã giáo hoàng được Thy-a-ti-rơ tiêu biểu, và sự sụp đổ của La Mã ngoại giáo được Bết-găm tiêu biểu, là một lẽ thật mà những kẻ nhận lấy sự mê lầm mạnh mẽ ghét bỏ.

Trong lịch sử phong trào Millerite, cuộc tranh luận giữa những người Millerite và những người Kháng Cách, được đưa vào bản đồ tiên phong năm 1843, xoay quanh việc thế lực lịch sử nào được biểu tượng là “kẻ cướp bóc dân người” trong câu mười bốn của Đa-ni-ên 11. Phải chăng kẻ cướp bóc ấy là sự trỗi dậy của La Mã ngoại giáo như những người Millerite chủ trương, hay đó là sự sụp đổ của nhà Seleucid như những người Kháng Cách khẳng định?

“Mọi quốc gia đã bước lên vũ đài hoạt động đều được phép giữ vị trí của mình trên đất, để người ta có thể thấy liệu quốc gia ấy có hoàn thành mục đích của ‘Đấng Canh Giữ và Đấng Thánh’ hay không. Lời tiên tri đã ghi lại sự hưng khởi và suy vong của các đế quốc lớn trên thế giới—Ba-by-lôn, Mê-đô Phe-rơ-sơ, Hy Lạp, và La Mã. Đối với mỗi đế quốc ấy, cũng như đối

với các quốc gia kém quyền lực hơn, lịch sử đã lặp lại. Mỗi nước đều có thời kỳ thử nghiệm của mình, mỗi nước đều thất bại, vinh quang của nó phai tàn, quyền lực của nó lìa khỏi, và chỗ của nó bị một nước khác chiếm lấy....”

“Từ sự hưng thịnh và suy vong của các quốc gia như đã được bày tỏ rõ ràng trong các trang Kinh Thánh, họ cần phải học biết vinh quang thuần túy bề ngoài và thuộc về thế gian là vô giá trị dường nào. Ba-by-lôn, với tất cả quyền lực và vẻ huy hoàng của nó, một quyền lực và vẻ huy hoàng mà từ đó đến nay thế giới chúng ta chưa từng lại được chứng kiến,—quyền lực và vẻ huy hoàng mà đối với dân chúng thời bấy giờ dường như vững bền và lâu dài biết bao,—đã hoàn toàn qua đi biết dường nào! Như ‘hoa cỏ,’ nó đã tàn lụi. Cũng vậy, mọi điều không lấy Đức Chúa Trời làm nền tảng đều sẽ hư mất. Chỉ những gì gắn liền với ý định của Ngài và bày tỏ bản tính của Ngài mới có thể tồn tại. Các nguyên tắc của Ngài là những điều vững bền duy nhất mà thế giới chúng ta biết.” Education, 177, 184.

Lịch sử Kinh Thánh là sự hiện thấy mà Sa-lô-môn đã nói rằng thiếu nó thì phải diệt vong. Những người Miller nhận biết và công bố một trăm năm mươi năm được biểu tượng là “năm tháng” trong Khải-huyền đoạn chín, câu năm và câu mười, nhưng họ đã không đào sâu lịch sử được trình bày trong đoạn chín của sách Khải-huyền. Họ đã xác định đúng “năm tháng” ở câu mười, nhưng rõ ràng đã cho rằng vì cả câu năm lẫn câu mười đều chứa cụm từ “năm tháng,” nên điều đó chỉ đơn thuần biểu thị một sự nhấn mạnh vào lời tiên tri về sự hành hại được trình bày trong cả hai câu. Nay có thể dễ dàng chứng minh rằng khi câu năm trình bày “năm tháng,” thì điều đó tượng trưng cho một trăm năm mươi năm bắt đầu từ cái chết của Mohammed vào năm 632, và chấm dứt vào năm 782 với sự hạ nhục của Nữ hoàng Irene của Đế quốc Byzantine, tức Đế quốc La Mã phương Đông.

Những người tiên phong đã đúng trong việc áp dụng câu mười cho trận chiến tại Nicomedia vào ngày 27 tháng 7 năm 1299 như là khởi điểm của một trăm năm mươi năm, kết thúc bằng sự hạ nhục vị Constantine cuối cùng cai trị tại Constantinople vào ngày 27 tháng 7 năm 1449. Hết hàng này đến hàng khác, một giai đoạn một trăm năm mươi năm xác định Hội giáo toàn cầu, như được tiêu biểu bởi cả tai vạ thứ nhất là Hội giáo Ả Rập và tai vạ thứ hai là Hội giáo Thổ Nhĩ Kỳ. Hội giáo đã hạ nhục cả hoàng đế lẫn hoàng hậu cùng nhau ấy xác định Hội giáo toàn cầu là sự chinh phục một vương quốc gồm một người nữ, được tiêu biểu bởi Irene, và một người nam, được tiêu biểu bởi Constantine cuối cùng.

Trong một trăm năm mươi năm kết thúc bằng sự sỉ nhục của Irene, Hội giáo Ả Rập giành quyền kiểm soát khu vực hay lãnh thổ của Byzantine, khiến Irene rơi vào một địa vị nhục nhã đến nỗi bà bị buộc phải triều cống trong ba năm, cùng với những sự bóc lột khác. Khi sự sỉ nhục của Constantine cuối cùng diễn ra, điều đó đánh dấu sự khởi đầu của một giai đoạn bốn năm kết thúc bằng một cuộc vây hãm và sự lật đổ thủ đô của La Mã phương Đông. Trong cả hai trường hợp, đó đều là Hội giáo: Hội giáo Ả Rập đối với Irene, và Hội giáo Thổ Nhĩ Kỳ đối với Constantine cuối cùng. Trong những ngày sau rốt, Hội giáo trên toàn thế giới, như được đại diện bởi hai nhân chứng là Hội giáo Ả Rập và Hội giáo Thổ Nhĩ Kỳ, được trình bày trong tai họa thứ nhất và thứ hai, trước hết sẽ chiếm lấy lãnh thổ, rồi sau đó là thủ đô. Thực thể chính trị thời kỳ cuối cùng, được đại diện bởi Constantine của La Mã phương Đông, được kết hợp một cách biểu tượng với thực thể tôn giáo

thời kỳ cuối cùng, được đại diện bởi Irene của La Mã phương Đông. Tôi dùng thuật ngữ thực thể chính trị và tôn giáo để nói đến việc biểu tượng hình tượng của con thú trước hết xuất hiện tại Hoa Kỳ rồi sau đó trên thế giới. Hình tượng của con thú là cuộc hôn phối mang tính biểu tượng giữa Constantine và Irene, cả hai đều bị sỉ nhục vì đánh mất lãnh thổ và thủ đô của mình vào tay Hồi giáo.

Cuộc hôn phối của họ được xác định qua việc đối chiếu hai dòng lịch sử, và đã được hình bóng bởi cuộc hôn phối giữa Constantia và Licinius vào năm 313, khi Sắc lệnh Milan được ban hành, Hội thánh biểu tượng của Smyrna chấm dứt và Hội thánh biểu tượng của Pergamos bắt đầu. Những kẻ mà Phao-lô xác định là đã nhận lấy sự mê lầm mạnh mẽ thì từ chối nhìn nhận sứ điệp cảnh báo của Phao-lô, vốn bao gồm sự bội đạo xảy đến trước khi người tội ác được bày tỏ. Sự bội đạo diễn ra trong dòng lịch sử của Pergamos, và người tội ác đã được bày tỏ vào năm 538, rồi Hội thánh Thyatira bắt đầu.

Chớ để ai dùng bất cứ cách nào lừa dối anh em; vì ngày đó sẽ không đến, nếu trước hết chưa có sự bội đạo xảy ra, và con người tội ác, tức là con của sự hư mất, được bày tỏ ra; là kẻ chống nghịch và tự tôn mình lên trên mọi sự được gọi là Đức Chúa Trời hoặc là đối tượng của sự thờ phượng; đến nỗi chính nó ngồi trong đền thờ của Đức Chúa Trời như Đức Chúa Trời, tự phò mình ra rằng mình là Đức Chúa Trời. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3, 4.

Lịch sử của La Mã phương Đông cung cấp hai nhân chứng cho lẽ thật tiên tri, là lẽ thật cũng được biểu hiện trong mối quan hệ mang tính biểu tượng giữa La Mã phương Đông với La Mã phương Tây. Trong mối quan hệ ấy, La Mã phương Tây là hội thánh và La Mã phương Đông là nhà nước. La Mã là sự kết hợp giữa hội thánh và nhà nước, như được tượng trưng bởi sắt và đất sét trong Đa-ni-ên chương hai.

Một lý do cho thấy một cách thuyết phục rằng trong những ngày sau rốt, Hồi giáo trên toàn thế giới tiến đánh một quyền lực được tượng trưng như sự kết hợp giữa hội thánh và nhà nước, chiếm lấy lãnh thổ và thủ đô của quyền lực ấy, được nâng đỡ bởi hai chứng cứ khác từ lịch sử thánh trong Khải Huyền chương chín. Osman đã chinh phục lãnh thổ của Nicomedia vào ngày 27 tháng 7 năm 1299, rồi hai năm sau, vào năm 1301, ông chinh phục lãnh thổ của Nicaea. Con trai ông chinh phục thành thủ đô Nicaea vào năm 1331, và cũng chính người con ấy chinh phục thành thủ đô Nicomedia qua một cuộc vây hãm bốn năm kết thúc vào năm 1337. Các nhà tiên phong đã đánh dấu ngày 27 tháng 7 năm 1299 gắn với Osman, nhưng không bao giờ xem xét trận chiến kế tiếp, trận Nicaea, như bước thứ hai trong lịch sử để thiết lập Đế quốc Ottoman. Ngày 27 tháng 7 năm 1299 là bước đầu tiên trong nhiều bước để đi đến luật ngày Chúa nhật. Hai bước đầu tiên của Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳ đã xác định sự khởi đầu của một lời tiên tri kết thúc vào năm 1449, rồi lại vào năm 1840, rồi lại vào sự kiện 11/9, và rồi lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Bước thứ nhất trong hai bước ấy không chỉ đánh dấu sự khởi đầu của một trăm năm mươi năm, mà còn đánh dấu sự khởi đầu của ba mươi tám năm. Nó bắt đầu khi Osman chiếm lấy lãnh thổ Nicomedia, và chấm dứt ba mươi tám năm sau, khi con trai của Osman chiếm lấy thành đô của Nicomedia vào cuối một cuộc vây hãm kéo dài bốn năm, vào năm 1337. Con số ba mươi tám tượng trưng cho “sự trời dậy,” và bước khởi đầu khi Osman chiếm lấy lãnh thổ ấy đã đánh dấu sự

trỗi dậy của Hội giáo Thổ Nhĩ Kỳ. Trong bước đầu tiên gồm ba mươi tám năm ấy, một cuộc vây hãm “bốn năm” đánh dấu sự kết thúc. Ở bước cuối cùng của một trăm năm mươi năm, sự sỉ nhục được giáng xuống, và bốn năm sau, vào năm 1453, thành đô của La Mã phương Đông bị chiếm lấy.

Dù là người Thổ Ottoman vào năm 1453, hay con trai của Osman chiếm được cả Nicomedia năm 1337 và Nicaea năm 1331, thì trong cả ba trường hợp, mỗi kinh thành ấy vào một thời điểm nào đó trong lịch sử đều đã từng là kinh đô của La Mã phương Đông. Cả ba tuyến đều xác định việc chinh phục La Mã phương Đông. Mỗi một trong ba tuyến ấy đều xác định Hội giáo trước hết chinh phục lãnh thổ, rồi sau đó là kinh đô của La Mã phương Đông. Tên của cả ba kinh đô đều trùng với tên của lãnh thổ. Mỗi một trong ba tuyến đều có những nhân vật lịch sử alpha và omega riêng biệt. Trong khi xác định một mối quan hệ giữa hội thánh và nhà nước qua sự sỉ nhục bởi Hội giáo đối với cả hoàng đế lẫn hoàng hậu, sự sỉ nhục mang tính tiên tri ấy gắn kết các tuyến của họ với La Mã phương Tây, vốn cũng đã bị Constantine Đại Đế làm cho nhục nhã khi ông chọn Constantinople thay vì thành phố Rome vào năm 330. Sự sỉ nhục cuối cùng của La Mã phương Tây đến vào năm 476 với vị hoàng đế cuối cùng, và từ đó tiếp tục suy tàn nhanh chóng.

La Mã phương Tây, trong mối tương quan với La Mã phương Đông, là hội thánh; phương Đông là nhà nước. Sự hạ nhục vào lúc khởi đầu năm 330, rồi sự hạ nhục vào năm 476, rồi vào năm 782, và rồi một lần nữa vào năm 1449. Một dòng hạ nhục bắt đầu với sự phân chia của một vương quốc, tiếp theo vào năm 476 là sự hạ nhục của việc mất hoàng đế, và do đó mất đế quốc, rồi lại được tiếp nối bởi Hội giáo đem sự hạ nhục trước hết đến lãnh thổ của phương Đông vào năm 782, và sau đó đến thủ đô của phương Đông vào năm 1453.

Hội giáo trong lời tiên tri Kinh Thánh làm sáng tỏ dòng dõi của cả La Mã phương Đông lẫn phương Tây, và ánh sáng mà Hội giáo đang sản sinh ngày nay phù hợp với, nhưng vượt xa, ánh sáng nền tảng về Hội giáo đã có đối với những người tiên phong Millerite. Thời kỳ thử nghiệm bắt đầu vào năm 2024 với câu hỏi ai là “những kẻ cướp bóc trong dân người là những kẻ sẽ lập nên Khải tượng” là alpha của giai đoạn thử nghiệm, và giờ đây, vào lúc cuối của giai đoạn thử nghiệm, ánh sáng từ chủ đề Hội giáo trong Khải Huyền chương chín bổ sung những nhân chứng về La Mã phương Tây và phương Đông, là những điều chưa từng được xem xét cho đến những ngày sau rốt hiện nay.

Các tuyến tiên tri của Hội giáo được trình bày trong các chương chín đến mười một kết hợp những tuyến lịch sử được đặt trong các câu mười đến mười sáu của Đa-ni-ên mười một, bằng cách cung cấp những lời chứng nối kết với các tuyến đã được bàn đến trong những bài viết này. Nhưng trong minh họa tiên tri về sự trỗi dậy của Hội giáo cũng có sự trỗi dậy của cả phong trào Millerite lẫn phong trào một trăm bốn mươi bốn nghìn. Hai giai đoạn bốn năm được đặt vững chắc bên trong và như một phần của các lời tiên tri thời gian trong Khải Huyền chín làm chứng cho bốn năm từ 1840 đến 1844. Đến năm 1844, thời gian tiên tri không còn nữa, vì vậy giai đoạn bốn năm mang tính biểu tượng được xác định bởi các đặc tính tiên tri của nó, chứ không phải bởi thời gian. Giai đoạn bốn năm thứ nhất xác định việc Hội giáo chinh phục Nicomedia, kinh đô cũ của Đế quốc La Mã phương Đông, vào năm 1337, ba mươi tám năm sau khi cha ông chinh phục lãnh thổ ấy. Bốn năm thứ hai xác định sự hạ nhục các nhà cai trị chính trị và tôn giáo của các La Mã phương Đông vào năm 1449, do Hội giáo gây nên; và bốn năm thứ ba xác định một sự biểu hiện vinh hiển của quyền

năng Đức Chúa Trời khi thiên sứ đã soi sáng trái đất bằng sự vinh hiển của mình ngự xuống vào ngày 11 tháng 8 năm 1840.

Lịch sử Millerite của vị thiên sứ thứ nhất và thứ hai tương ứng với lịch sử của vị thiên sứ thứ ba trong thời kỳ ấn chứng cho một trăm bốn mươi bốn nghìn người. Công việc ấn chứng cuối cùng ấy là sự xóa bỏ tội lỗi; đó là sự kết hợp giữa thần tính với nhân tính, và diễn ra trong một cuộc chiến đang được Hội giáo mang đến.

Và hân mở vực sâu không đáy; từ vực ấy bốc lên một làn khói, như khói của một lò lửa lớn; mặt trời và không khí bị tối tăm vì khói từ vực sâu. Từ trong khói có những con cào cào bay ra trên đất; và chúng được ban cho quyền năng, như bọ cạp trên đất có quyền năng. Chúng được truyền lệnh rằng không được làm hại cỏ trên đất, cũng không được làm hại bất cứ vật gì xanh tươi nào, hay bất cứ cây cối nào; nhưng chỉ làm hại những người không có ấn của Đức Chúa Trời trên trán mình. Khải Huyền 9:2-4.

Sự ứng nghiệm trọn vẹn của mọi lời tiên tri đều ở trong những ngày sau rốt, vì vậy đoạn này đang xác định việc đóng ấn cho một trăm bốn mươi bốn ngàn người. Lời tiên tri về Hội giáo trong Khải Huyền đoạn chín cung cấp chiếc chìa khóa lịch sử để đem lại sự minh họa đầy đủ nhất về quyền lực thiết lập Khải tượng, được kết hợp lại trong lịch sử đã lên đến tột đỉnh vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, khi Hội giáo bị kiểm chế. Từ thời điểm đó, chứng ngôn của Khải Huyền đoạn chín được kéo dài sang đoạn mười và lịch sử của vị thiên sứ thứ nhất và thứ hai. Rồi trong đoạn mười một, tai họa thứ ba thành linh đến tại luật ngày Chúa nhật, là lúc tiếng kêu lớn của vị thiên sứ thứ ba bắt đầu. Đoạn chín là chiếc chìa khóa về Hội giáo trong việc sắp đặt sự trở dậy và sụp đổ của các vương quốc được trình bày trong Đa-ni-ên và Khải Huyền. Các đoạn mười và mười một xác định kinh nghiệm của một trăm bốn mươi bốn ngàn trinh nữ khôn ngoan. Đoạn chín xác định biểu tượng thiết lập Khải tượng bên ngoài, còn các đoạn mười và mười một xác định Khải tượng bên trong gắn liền với việc theo Chiên Con vào Nơi Chí Thánh.

Khải Huyền chương mười mở ra với Đấng Christ là vị thiên sứ mạnh mẽ từ trời ngự xuống, tay cầm một quyển sách nhỏ đang mở ra. Biến cố ấy đã được ứng nghiệm vào ngày 11 tháng 8 năm 1840, vào lúc kết thúc lời tiên tri của Khải Huyền chín, lời tiên tri xác định ba trăm chín mươi một năm và mười lăm ngày. Khải Huyền mười xác định lịch sử tiếp diễn cho đến khi sứ điệp trở nên đáng trong bụng Giăng vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Bốn năm từ 1840 đến 1844 bắt đầu với sự đến của vị thiên sứ thứ nhất và kết thúc với sự đến của vị thiên sứ thứ ba. Bốn năm ấy, tiếp theo sau sự ứng nghiệm của ngày 11 tháng 8 năm 1840, đã được hình bóng bởi bốn năm từ ngày 27 tháng 7 năm 1449 đến năm 1453, vào lúc khởi đầu của ba trăm chín mươi một năm và mười lăm ngày. Cả hai giai đoạn bốn năm ấy đều tương ứng với bốn năm của cuộc bao vây Nicomedia từ năm 1333 đến năm 1337. Về phương diện biểu tượng, La Mã phương Đông đã bị Hội giáo chinh phục ba lần. Lần thứ nhất là tại cuộc bao vây Nicaea vào năm 1331, kế đến là cuộc bao vây Nicomedia kéo dài bốn năm, kết thúc vào năm 1337, và sau đó là cuộc bao vây Constantinople vào năm 1453.

Diocletian đã hợp pháp phân chia La Mã thành đông và tây vào năm 393, và Constantine đã phân chia La Mã thành đông và tây theo ý nghĩa tiên tri vào năm 330. Năm 395, khi hoàng đế Theodosius I qua đời, đế quốc đã được chính thức và vĩnh viễn phân chia khi ông để lại phương

đông và phương tây cho hai người con trai của mình. Giáo hội Công giáo đã phân chia thành đông và tây vào năm 1054 trong cuộc “đại ly giáo.” Sự phân chia diễn ra dần dần, cũng như sự suy vong theo sau đó. Sự phân chia ấy vẫn còn tồn tại cho đến chính ngày nay. Trong vòng năm mươi năm kể từ thời điểm đó, giáo hội Tây phương tại La Mã đã khởi sự khoảng hai trăm năm thập tự chinh chống lại Hồi giáo. Tây La Mã sụp đổ khi mất vị hoàng đế cuối cùng của mình vào năm 476. Đông La Mã sụp đổ vào năm 1453. La Mã Giáo hoàng sụp đổ vào năm 1798. La Mã ngoại giáo đã phân chia thành đông và tây vào các năm 393, 330 và 395. La Mã Giáo hoàng đã phân chia thành đông và tây vào năm 1054. Bà White xác định sự hưng khởi và suy vong của các vương quốc là một điểm quy chiếu chủ yếu trong việc nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời.

Các vương quốc được đưa ra ánh sáng của lịch sử từ chương chín sách Khải Huyền củng cố luận điểm rằng chính La Mã là điều thiết lập khái tượng. Mỗi liên hệ tiên tri giữa Hồi giáo và một trăm bốn mươi bốn nghìn là bằng chứng cho sự điệp của tiếng kêu lúc nửa đêm, vốn được dự biểu bởi việc Đấng Christ cưới lừa vào thành Giê-ru-sa-lem, được trình bày bởi một lời tiên tri thời gian đã bắt đầu vào thời kỳ tai vạ thứ nhất, tiếp tục trong phần thứ hai của lời tiên tri nơi tai vạ thứ hai, và đạt đến sự ứng nghiệm của nó trong lịch sử bốn năm, nơi phong trào Millerite của thiên sứ thứ nhất và thứ hai đã bắt đầu bằng sự ứng nghiệm của chính lời tiên tri ấy. Lời tiên tri ấy đã khởi đầu với biểu tượng “ba mươi tám và hai năm” (1299 và 1301), đánh dấu sự trỗi dậy của Hồi giáo, và kết thúc với biểu tượng “ba mươi tám và hai năm” (1838 và 1840), đánh dấu sự trỗi dậy của những người Millerite.

Vào năm 1844, khi kết thúc thời kỳ bốn năm của phái Miller, vốn đã được hình bóng bởi cuộc bao vây từ 1333 đến 1337, và từ 1449 cho đến cuộc bao vây năm 1453, thì thời gian tiên tri không còn được áp dụng nữa. Việc giương cao ngọn cờ hiệu của một trăm bốn mươi bốn nghìn người được nối kết trực tiếp với lời tiên tri trong đó Hồi giáo được giương cao.

Hồi Giu-đa, người là người mà anh em người sẽ ngợi khen; tay người sẽ đặt trên cổ quân thù mình; các con trai của cha người sẽ sắp mình xuống trước mặt người. Giu-đa là sư tử con; hồi con trai ta, người từ chỗ vô mồi mà đi lên: nó cúi mình xuống, nằm phục như sư tử, và như sư tử già; ai dám khuấy động nó? Cây phủ việt sẽ chẳng lia khỏi Giu-đa, quyền lập pháp cũng chẳng lia khỏi giữa hai chân nó, cho đến khi Si-lô đến; và muôn dân sẽ quy tụ về người. Người buộc lừa con mình vào cây nho, và lừa tơ của lừa cái mình vào cây nho tốt nhất; người giặt áo mình trong rượu, và áo choàng mình trong huyết nho: Mắt người sẽ đỏ vì rượu, và răng người trắng vì sữa. Sáng thế ký 49:8–12.

Một trăm bốn mươi bốn ngàn người phản chiếu cách trọn vẹn phẩm tính của Đấng Christ, và Đấng Christ, giữa những hình ảnh biểu tượng khác, là “cây nho được chọn.” Ishmael được xác định là một người “hoang dã” trong Sáng thế ký 16:12.

Người sẽ là một người như lừa rừng; tay người sẽ chống lại mọi người, và tay mọi người sẽ chống lại người; và người sẽ cư ngụ trước mặt hết thầy anh em mình.

Từ được dịch là “hoang dã” chính là lừa hoang Ả-rập. Các đại diện của Đấng Christ trong những ngày sau rốt cưới trên sứ điệp của lừa hoang Ả-rập, con lừa mà Đấng Christ đã cưới vào thành Giê-ru-sa-lem, con lừa cuối cùng đã lên tiếng sau khi Ba-la-am đánh nó lần thứ ba. Sứ điệp đã ban

quyền năng cho sứ điệp của vị thiên sứ thứ nhất vào năm 1840 đã không nhìn thấy một lời tiên tri một trăm năm mươi năm có liên hệ và quan trọng ngay trong chính lịch sử tiên tri nơi sứ điệp đã ban quyền năng cho phong trào được đặt vào. Họ đã không thấy hai giai đoạn bốn năm trong chính cùng một lời tiên tri thời gian ấy, là điều làm hình bóng cho lịch sử từ 1840 đến 1844. Sự từ của chi phái Giu-đa hiện nay đang mở ra ánh sáng từ “những lối đi xưa” mà trước đây chưa từng được thấy, và đó là ánh sáng phù hợp với ánh sáng đã được mở ra kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2023. Nó loại bỏ mọi nghi ngờ về việc có phải Hồi giáo là thế lực đánh Nashville hay không. Ánh sáng ấy soi sáng biểu tượng của La Mã, nhờ đó trở thành một tuyên bố omega đối với cuộc tranh luận alpha trong năm 2024 về kẻ cướp bóc của dân người, và đó cũng là biểu tượng omega của cuộc tranh luận về chính cùng một biểu tượng ấy trong lịch sử Millerite. Nó xác định rằng Hồi giáo trong các lời tiên tri thời gian của Khải-huyền đoạn chín là sứ điệp bên ngoài trong lịch sử nội bộ của thời kỳ đóng ấn của một trăm bốn mươi bốn nghìn người. Chúng tôi đã dạy lẽ thật này từ một thời gian nay, nhưng giờ đây điều đó có thể được chứng minh trên một đường thẳng bắt đầu trong Khải-huyền đoạn chín và kết thúc trong Khải-huyền đoạn mười một. Giai đoạn bốn năm thứ ba gắn liền với lời tiên tri thời gian của Hồi giáo đã được ứng nghiệm từ 1840 đến 1844 minh họa thời kỳ đóng ấn của một trăm bốn mươi bốn nghìn người. Bởi trận động đất lớn của Khải-huyền đoạn mười một, một trăm bốn mươi bốn nghìn người được nhắc lên như một cờ hiệu.

Trong Ê-xê-chi-ên ba mươi bảy, việc gây dựng dân sự của Đức Chúa Trời thành một đạo binh là một tiến trình gồm hai bước, đã được hình bóng qua sự sáng tạo A-đam. Trước hết, A-đam được nắn nên từ đất sét, rồi Đấng Christ hà hơi sự sống vào người. Trong Ê-xê-chi-ên, lời tiên tri thứ nhất tạo thành các thi thể chết, nhưng chúng vẫn còn chết. Sau đó, bốn luồng gió được hà hơi trên các thi thể, và chúng đứng dậy thành một đạo binh hùng mạnh. Các con số ba mươi tám và bốn mươi tượng trưng cho hai bước ấy.

Chúng tôi sẽ tiếp tục những điều này trong bài viết tiếp theo.

Sau đó có một kỳ lễ của dân Do Thái, và Đức Chúa Jêsus lên thành Giê-ru-sa-lem. Tại Giê-ru-sa-lem, gần cửa Chiên, có một hồ, tiếng Hê-bơ-rơ gọi là Bê-tết-đa, có năm hành lang. Trong các hành lang ấy có rất nhiều người đau yếu nằm, người mù, người què, người bại, chờ nước động. Vì theo kỳ, một thiên sứ xuống hồ khuấy động nước; ai xuống trước hết sau khi nước đã động thì được lành, bất luận mắc bệnh gì. Ở đó có một người đau đã ba mươi tám năm. Đức Chúa Jêsus thấy người nằm đó, và biết rằng người đã mắc bệnh lâu ngày, bèn phán cùng người rằng: Người có muốn được lành chăng? Người đau đáp rằng: Thưa Chúa, tôi không có ai đem tôi xuống hồ khi nước động; nhưng trong lúc tôi đang đến thì có kẻ khác xuống trước tôi rồi. Đức Chúa Jêsus phán cùng người rằng: Hãy trỗi dậy, vác giường người và đi. Tức thì người ấy được lành, vác giường mình và đi. Và, ngày đó là ngày sa-bát. Giăng 5:1-9.

Bấy giờ tôi nói: Hãy chỗi dậy, đi qua khe Zê-rê. Và chúng tôi đã đi qua khe Zê-rê. Thời gian từ khi chúng tôi rời Ca-đe-ba-nê-a cho đến khi chúng tôi đi qua khe Zê-rê là ba mươi tám năm; cho đến khi cả thế hệ những người trai tráng trong chiến trận đều bị diệt mất khỏi giữa trại quân, như Đức Giê-hô-va đã thề cùng họ. Phục truyền Luật lệ Ký 2:13, 14.